TÒA ÁN NHÂN DÂN TX. PHÚ MỸ **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNST
Ngày 17-07-2019
V/v " Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quý Phúc
Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Đặng Quang Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HN ngày 12-06-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01-07-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 - Địa chỉ : Tổ X, thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T1, sinh năm 1974 - Địa chỉ : Tổ X, thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy T1 tự nguyện tìm hiểu, sau đó tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì đã phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi vợ chồng cãi nhau thì anh T1 còn thường xuyên hành hung chị, đập

phá tài sản trong nhà, nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị và anh T1 đã chính thức sống ly thân từ năm 2916 đến nay không còn quan hệ tình cảm gì nữa. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Duy Thành N, sinh ngày 08-04-2001; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 05-09-2008. Hiện tại chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Con lớn Nguyễn Duy Thành Nhân đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa xem xét, chị yêu cầu tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thu H, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn : Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt niêm yết các văn bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với bị đơn anh Nguyễn Duy T1 tại nơi cư trú để anh T1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc, vắng mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng, anh T1 cũng không thể hiện ý kiến và yêu cầu gì gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến :

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án tham gia tố tụng đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được tống đạt hợp pháp nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do chính đáng, nên việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa, xác định chị T và anh T1 trong quan hệ hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng; vợ chồng anh chị không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

Về con chung: Xem xét thấy yêu cầu của chị T có căn cứ pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của chị T về quyền trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình Tộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh Nguyễn Duy T1, anh T1 không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp, đúng qui định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan hệ vợ chồng. Biên bản xác minh tại địa phương xác nhận hôn nhân của chị T và anh T1 có nhiều mâu thuẫn, ban quản lý thôn đã hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy hôn nhân của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T có căn cứ pháp luật, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là Nguyễn Duy Thành N, sinh ngày 08-04-2001; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 05-09-2008. Con lớn Nguyễn Duy Thành N đã trưởng thành, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T yêu cầu tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thu H, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xem xét nguyện vọng của cháu H mong muốn được sống cùng mẹ, nhằm đảm bảo toàn diện quyền lợi chính đáng của con và xét thấy yêu cầu của chị T có căn cứ pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con, nên Hội đồng xét xử quyết định: Chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thu H; chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T đồng ý nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc ly hôn với anh Nguyễn Duy T1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được quyền ly hôn với anh Nguyễn Duy T1.

3. Về con chung:

- Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy T1 có hai con chung là Nguyễn Duy Thành N, sinh ngày 08-04-2001; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 05-09-2008.

- Con lớn Nguyễn Duy Thành N đã trưởng T1, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Chị Nguyễn Thị Thu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thu H. Anh Nguyễn Duy T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Nguyễn Duy T1 có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

- Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung : Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Duy T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008503 ngày 23-04-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả Tận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Thị Thanh Hảo